TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L **THÀNH PHỐ Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 71/2025/DS-ST
Ngày 23.6.2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, THÀNH PHỐ Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Công Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Việt Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đ.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Đồng Viết T1 - sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ 11, phường T2, quận T3, thành phố Đ, (*Có mặt*).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Tuyết H1 - sinh năm 1970; nơi cư trú: K398/40 H2, phường H3, quận L, thành phố Đ, (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại Bản trình bày ngày 28 tháng 5 năm 2025, nguyên đơn - ông Đồng Viết T1 trình bày:

Do có quen biết nên bà Phạm Thị Tuyết H1 có hỏi mượn tiền và ông đã đồng ý cho mượn. Ngày 03 tháng 8 năm 2023, ông và bà H1 lập Giấy mượn tiền; nội dung: Bà H1 mượn của ông số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), thời gian từ ngày 03 tháng 8 năm 2023 đến ngày 03 tháng 8 năm 2024, ngoài ra không thỏa thuận lãi suất và mức phạt lãi suất chậm trả. Sau khi hai bên

ký vào Giấy mượn tiền, ông đã đưa số tiền 150.000.000 đồng cho bà H1. Tuy nhiên, đến thời hạn vẫn không thấy bà H1 đã nợ, ông đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà H1 chây ỳ không trả, điện thoại không được.

Do vậy, ông T1 khởi kiện, yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà H1 phải trả số tiền 158.876.712 đồng (*Một trăm năm mươi tám triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn bảy trăm mười hai đồng*). Trong đó, nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi tính ngày 03 tháng 8 năm 2024 đến ngày 07 tháng 3 năm 2025 với mức lãi suất 10%/năm là 8.876.712 đồng.

Tại phiên tòa, ông T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với tiền gốc. Đối với tiền lãi, ông T1 không yêu cầu.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Phạm Thị Tuyết H1 không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án; không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, bà H1 trình bày: Qua quen biết với ông Tới, bà biết ông T1. Bà mượn tiền ông T1 nhiều lần. Cụ thể:

- Tháng 4 năm 2023, bà mượn của ông T1 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), ông T1 chỉ đưa 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng*), trừ 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tiền lãi lấy trước;

- Sau đó khoảng 10 (*Mười*) ngày, bà mượn ông T1 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*); ông T1 đưa trước 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm ngàn đồng*), trừ 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*) tiền lãi lấy trước; cách ngày sau, ông T1 đưa thêm cho bà 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm ngàn đồng*), trừ 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*) tiền lãi lấy trước;

- Cách mười mấy ngày sau, bà làm ăn thua lỗ nên mượn ông T1 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Ông T1 đưa cho bà 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*), trừ 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền lãi lấy trước;

- Ngày 03 tháng 8 năm 2023, bà mượn ông T1 thêm 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) để làm giấy tờ. Ông T1 đưa trước cho bà 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm ngàn đồng*), trừ 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*) tiền lãi lấy trước. 03 (*Ba*) ngày sau, ông T1 đưa thêm cho bà 13.500.000 đồng (*Mười ba triệu năm trăm ngàn đồng*), trừ 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền lãi lấy trước;

- 01 (*Một*) tuần sau, bà mượn của ông T1 thêm 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), ông T1 chỉ đưa 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*), trừ 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) tiền lãi lấy trước.

Tổng số tiền bà mượn của ông T1 là 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*). Từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2023, bà đã trả lãi cho ông T1 tiền 10, nghĩa là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) thì trả 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) tiền

lãi. Mỗi lần mượn thêm tiền, bà đều viết giấy do ông T1 giữ. Bà trả lãi bằng tiền mặt hàng tháng cho ông T1, không viết giấy tờ. Từ sau tháng 12 năm 2023 đến nay, bà không còn khả năng trả lãi cho ông T1.

Cuối năm 2023 (*Không nhớ ngày cụ thể*), bà có viết Giấy mượn tiền (*Viết tay trên tờ giấy trắng, không có đánh máy sẵn*) cho ông T1, nội dung: "*Tôi tên là Phạm Thị Tuyết H1 có mượn của anh Tâm số tiền 150.000.000 đồng, tôi hẹn khi nào có tôi trả. Tôi viết giấy này là đúng sự thật. Ký và ghi tên: Phạm Thị Tuyết H1*".

Ngoài ra, bà xác nhận có ký và ghi tên vào Giấy mượn tiền do Hội đồng xét xử công bố. Ông T1 đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà chưa trả được. Do hiện nay, bà đang nuôi mẹ già và em đang điều trị ung thư tại bệnh viện nên bà xin đến hết năm 2025, bà sẽ bắt đầu trả dần cho đến khi trả hết số tiền nợ 150.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Viết T1 về việc yêu cầu bà Phạm Thị Tuyết H1 thanh toán số tiền nợ 150.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 03 tháng 8 năm 2023, đã được bà Phạm Thị Tuyết H1 thừa nhận ký; lời xác nhận nợ 150.00.000 đồng tại phiên toà; căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xác định:

Bà Phạm Thị Tuyết H1 có nợ của ông Đồng Viết T1 số tiền 150.000.000 đồng. Đến nay, ông T1 đã nhiều lần yêu cầu, nhưng bà H1 chưa trả được nợ.

Do bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tiền về thời hạn thanh toán nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1, xử buộc bà H1 phải thanh toán cho ông T1 số tiền nợ 150.000.000 đồng; là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Đồng Viết T1 không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Bị đơn - bà Phạm Thị Tuyết H1 trình bày đã trả lãi cho ông T1 nhiều lần đến cuối tháng 12 năm 2023 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét lãi đã trả.

[4] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm ngàn đồng*) theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, các điều 235, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Viết T1 đối với bà Phạm Thị Tuyết H1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Xử: Buộc bà Phạm Thị Tuyết H1 phải thanh toán cho ông Đồng Viết T1 số tiền nợ 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm ngàn đồng*) bà Phạm Thị Tuyết H1 phải chịu.

Hoàn trả cho ông Đồng Viết T1 số tiền tạm ứng án phí 3.971.918 đồng (*Ba triệu chín trăm bảy mươi mốt ngàn chín trăm mười tám đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0007494 ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Q. L;*
- *Chi cục THADS Q. L;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**